

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 01/04/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2022/TLST-HS, ngày 20/01/2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HS ngày 18/2/2022, Quyết định hoãn phiên tòa 01/2022/HSST-QĐ, ngày 01/3/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: H, sinh năm 1968; tại: tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: N (đã chết) và bà T (đã chết); vợ là T, sinh năm 1981 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không.; nhân thân: Tốt; bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2021. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Khánh – Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắc Nông, có mặt.

Địa chỉ: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắc Nông - thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắc Nông.

- Bị hại: Ông T, sinh năm 1976, có mặt; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ở tại: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông (không cố định).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 21/8/2021, H đến nhà ông Đ để uống rượu. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, ông T đi làm về thì gặp H, ông T hỏi H có

lấy đôi ủng của ông T không thì giữa H và ông T xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên H bỏ ra về. Khi ra đến cổng nhà ông Đ, H quay lại khu vực giếng nước nhà ông Đ lấy 01 con dao (loại dao phay, dài 41 cm, cán dao làm bằng gỗ, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 28cm, rộng 5,5cm) rồi đến nói chuyện với ông T, khi cách ông T khoảng 1m, thấy ông T đi vào trong nhà nên H cầm dao bằng tay phải chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải về phía ông T, ông T đưa tay phải lên đỡ thì bị chém trúng vào tay. Sau đó, H ra về, ông T được đưa đi cấp cứu tại bệnh viện.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 04/TgT ngày 09/11/2021 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Đắk Nông đã kết luận: ông T bị vết thương đứt gân lia cổ tay phải, khâu da, không khâu nối gân cơ, không kết hợp xương, di chứng cứng khớp cổ tay phải, tỷ lệ 25%; Di chứng mất đuôi ngón 4 bàn tay phải, tỷ lệ 4%, cộng lùi bằng 3%; di chứng mất đuôi ngón 5 bàn tay phải, tỷ lệ 3%, cộng lùi bằng 2,16%; 01 sẹo phần mềm cổ tay phải kích thước trung bình, tỷ lệ 2%, cộng lùi bằng 1,39%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 31,55%, làm tròn bằng 32%.

Tại Bản cáo trạng số:02/CTr-VKS, ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã truy tố bị cáo H về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, căn cứ nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo H từ 06 đến 07 năm tù.

- Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trả lại 01 con dao (loại dao phay, dài 41 cm, cán dao làm bằng gỗ, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 28cm, rộng 5,5cm) cho ông Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận bị cáo H đã bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng.

Chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo H và bị hại ông T tại phiên tòa về bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho ông T đối với khoản tiền bồi thường tổn thất tinh thần và tiền thu nhập bị mất. Bị cáo H và bị hại T thỏa thuận: Khi nào có đầy đủ hóa đơn và chứng từ các chi phí của phẫu thuật “khâu nối gân cơ và kết hợp xương” của cổ tay phải của ông T, bị cáo H đồng ý bồi thường.

4. Ông Nguyễn Văn Khánh – người bào chữa cho bị cáo trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo là vi phạm pháp luật. Việc truy tố và xét xử bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị cáo đã bồi thường cho bị hại được hai triệu đồng. Ngoài ra, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có hình phạt nhẹ nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm và sớm trở về với gia đình. Mong bị hại giảm nhẹ yêu cầu bồi thường cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị hại ông T đồng ý bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng cho tổn thất tinh thần và thu nhập lao động bị mất. Đối với yêu cầu số tiền 29.000.000 đồng, tại phiên tòa bị hại T rút yêu cầu. Ông T đồng ý với sự thỏa thuận của bị cáo

H về chi phí phẫu thuật khâu nối gân cơ và khớp xương tay phải, ông T đi phẫu thuật phát sinh các chi phí thực tế và có đầy đủ hóa đơn và chứng từ thì bị cáo H sẽ bồi thường.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì thêm, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, ông Đ trình bày: Ông Đ xin nhận lại con dao và không yêu cầu bồi thường liên quan đến con dao.

Trong vụ án có vấn đề khác: Đối với ông Đ, do không biết bị can dùng con dao của mình để gây thương tích cho bị hại nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Mil, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội gây thương tích cho bị hại, bị cáo sử dụng con dao và chém gây thương tích là đúng, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu thu thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 21/8/2021, tại Thôn X, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vì nguyên cớ nhỏ nhặt, H đã dùng dao là loại hung khí nguy hiểm, chém 01 cái vào tay phải của ông T và bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%. Như vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng điều tra, truy tố và xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là không oan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo H gây thương tích cho ông T với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 32%; vì mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống bị cáo đã sử dụng dao là hung khí nguy hiểm và vô cớ gây thương tích cho người bị hại. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng là “*Dùng hung khí nguy hiểm*” và “*Có tính chất côn đồ*” được quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự. Do đó hành vi của bị cáo bị xét xử theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở và đúng quy định pháp luật.

Điều 134 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một

trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm ...;

...

i) Có tính chất côn đồ;

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 31 % đến 60% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”

[6] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, bị cáo nhận thức và biết hành vi xâm phạm tác động vào cơ thể của người khác làm cho người đó bị thương, bị tổn hại sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn gây thương tích cho bị hại nên cần phải xét xử mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đặc điểm nhân thân của bị cáo.

[8] Tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không tính tiết tăng nặng. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả 2.000.000 đồng cho bị hại. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt chính: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy, cần áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo làm công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[10] Vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 01 con dao (loại dao phay, dài 41 cm, cán dao làm bằng gỗ, lưỡi dao làm bằng kim loại dài 28cm, rộng 5,5cm) cho ông Đ là chủ sở hữu hợp pháp.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự.

- Chấp nhận bị cáo đã bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo H và bị hại T tại phiên tòa: Bị cáo H bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho ông T về bồi thường tổn thất tinh thần và tiền công lao động bị mất.

- Bị hại ông T yêu cầu bị cáo Hà bồi thường số tiền 29.000.000 đồng, số tiền này để sau này phẫu thuật “khâu nối gân cơ và kết hợp xương”(tại thời điểm xét xử chưa phẫu thuật), tại phiên tòa ông T không có chứng cứ, hóa đơn để chứng minh cho yêu cầu của mình nên ông T đã rút yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hai ông T và bị cáo Hà thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận: Khi nào có đầy đủ hóa đơn và chứng từ các chi phí phẫu thuật phát sinh

thực tế về “khâu nối gân cơ và kết hợp xương” tay phải của ông T, bị cáo H chấp nhận bồi thường các chi phí phát sinh thực tế để tiến hành phẫu thuật; ông T đồng ý với ý kiến của bị cáo. Sự thỏa thuận các bên là tự nguyện, là căn cứ để yêu cầu bồi thường đồng thời cũng là cơ sở pháp lý để ông T yêu cầu bồi thường sau này đối với bị cáo H.

- Các chi phí cấp cứu, tiền thuốc, viện phí và các phí chí khác tại các Bệnh viện đa khoa huyện Đăk Mil, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông thì đã được miễn và tổ chức từ thiện đã chi trả cho ông T. Nên ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Trong vụ án còn có những vấn đề sau: Đối với ông Đ, do không biết bị can dùng con dao của mình để gây thương tích cho bị hại nên không có căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo H phải nộp án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, qua tài liệu hồ sơ trong vụ án, thể hiện hộ ông H thuộc diện hộ nghèo, được cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, tại phiên bị cáo cũng xin được miễn án phí dân sự và hình sự sơ thẩm. Căn điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nên Hội đồng xét xử đồng ý miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo H 06 (sáu) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/12/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 590 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Chấp nhận bị cáo H đã bồi thường bị hại T số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

2.2. Bị cáo H tiếp tục bồi thường cho bị hại T số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại 01 con dao cho ông Đ (*Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Mil với Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Mil vào ngày 20/01/2022*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo toàn bộ bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những nội dung liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện Đắk Mil;
- Công an huyện Đắk Mil;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hồng Duy